

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 345/2023/DS-PT
Ngày: 27-7-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Ông Nguyễn Tấn Tăng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 142/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 150/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 274/2023/QĐPT-DS ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số B, tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim L là ông Trần Tấn L1, sinh năm: 1999; (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ G, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp;

2. **Bị đơn:** Lê Thị T, sinh năm 1951. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1948 (đã chết ngày 27/7/2022).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn B:

3.1.1. Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1961.

3.1.2. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981.

3.1.3. Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1983.

3.1.4. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1990.

3.1.5. Nguyễn Phúc D1, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981.

3.3. Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1983.

3.4. Nguyễn Hữu D, sinh năm 1990.

3.5. Nguyễn Phúc D1, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện C, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim Y, anh Nguyễn Phúc D1 là anh Nguyễn Hữu D, sinh năm 1990; Địa chỉ: tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/3/2021). (Có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim Y, anh Nguyễn Hữu D, anh Nguyễn Phúc D1 là ông Trần Tấn L1, sinh năm: 1999; Địa chỉ: Tổ G, khóm M, Phường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; (Có mặt)

3.6. Võ Minh P, sinh năm 1969.

3.7. Võ Nhật L2, sinh năm 2002.

3.8. Võ Minh N, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Minh P, anh Võ Nhật L2, anh Võ Minh N là bà Lê Thị T, sinh năm 1951; Địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 05/01/2021). (Có mặt)

3.9. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Chí T1 - Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Số F, đường C, khóm M, thị trấn M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

4. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Kim L là nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Kim Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn trình bày:** Bà xác định phần đất đang tranh chấp với bà Lê Thị T trong phạm vi các mốc M1, M2, M16, M15 về mốc M1 theo sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 15/10/2021, thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 4, diện tích đo đạc thực tế 495,7m², đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc đất là do vợ chồng bà nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Huỳnh Văn Ú, bà Nguyễn Thị B1 vào năm 1995, loại đất lúa, khoảng 7,5 – 08 công tầm lớn với giá 08 chỉ vàng 24K/công, có vị trí phía Tây giáp ông Nguyễn Văn B2, phía Đông giáp ông L3, phía Bắc giáp ông M, phía Nam giáp sông, khi đó đất không có đường đi. Khi chuyển nhượng thì gia đình ông Ú đang làm ruộng. Cũng trong năm 1995, ông Nguyễn Văn B là chồng bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tổng diện tích 11.406m², gồm 02 thửa:

- Thửa 83, tờ bản đồ số 1, diện tích 8.806m², loại đất lúa; Thửa 84, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.600m², loại đất CDK.

Khi chuyển nhượng thì bà biết vợ chồng ông Ú, bà B1 cho gia đình bà T cất một cái nhà tạm ở bờ sông. Sau khi chuyển nhượng thì bà L vẫn tiếp tục cho bà T ở nhờ nhưng không có nói gì với bà T.

Năm 2002, ông Ú, bà B1 tranh chấp quyền sử dụng đất với bà T mặc dù không còn phần đất nào tại đó. Kết quả giải quyết UBND huyện C công nhận cho bà T được sử dụng diện tích 626,5m² theo Quyết định số 89/QĐ-UB ngày 17/01/2002. Việc tranh chấp này thì gia đình bà L không biết.

Ngày 15/8/2007, ông B được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản đồ lưới, sau khi trừ đất bờ sông bị lở 154m² thì thửa 83, 84 được cấp đổi thành 02 thửa như sau: Thửa 983, tờ bản đồ số 4, diện tích 598m²; Thửa 956, tờ bản đồ số 4, diện tích 10.654m².

Ngày 08/10/2008, ông B và các con ký tên chuyển cho cá nhân bà L được đứng tên 02 thửa đất 983 và 956 nhưng UBND huyện C lại cấp giấy cho hộ của bà L nhưng bà không khiếu nại.

Đối với bà T, sau nhiều lần nạo vét bờ sông và làm đường, nhà bà T di dời dần lên và chiếm đất của gia đình bà, cụ thể: Năm 1995, bà T đã cất nhà tạm ở mé sông; Năm 1998, do đất mé sông bị lở nên bà T cất lại nhà vách lá, cách nhà hiện nay khoảng 10m. Khi dời nhà lên bà T không hỏi ý kiến của bà L mà tự ý di dời; Năm 2010, bà T cho con trai là Võ Minh P xây dựng nhà kiên cố, bà L không đồng ý nên yêu cầu địa phương giải quyết nhưng không thành. Do gia đình khó khăn, chồng bị bệnh hiểm nghèo, không có điều kiện tiếp tục tranh chấp nên ông P đã xây dựng nhà kiên cố ở đến nay.

Đối với phần đất trong phạm vi các mốc M2, M17, M16 về mốc M2 hiện nay có một phần nhà của chị Y và các cây do chị Y trồng, bà L xác định phần này thuộc một phần thửa 956, tờ bản đồ số 4. Bà T không có sử dụng trong phần đất này nên bà L không có tranh chấp với bà T.

Nay, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà T, ông P, anh Võ Nhật L2, anh Võ Minh N phải di dời nhà, cây trồng, kiến trúc có trên đất để trả cho bà diện tích đo đạc thực tế 495,7m², thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp do hộ bà L đứng tên.

- Hội Quyết định số 89/QĐ-UB, ngày 17/01/2002 của UBND huyện C vì quyền sử dụng đất bà đã được cấp năm 1995 hợp pháp.

- Bị đơn bà Lê Thị T và là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Minh P, Võ Nhật L2, Võ Minh N trình bày:

Ông Huỳnh Văn Ú và bà Nguyễn Thị B1 có phần đất thổ cư gắn liền đất lúa tọa lạc tại tổ A, ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, khoảng 08 – 09 công tằm lớn, phần thổ cư không rõ diện tích.

Năm 1984, do đất tranh chấp với người khác nên con của ông Ú là anh Huỳnh Văn L4 kêu bà T về sống để giữ đất giùm. Năm 1985, ông Ú và bà B1 bán toàn bộ phần thổ cư cho bà, khi mua không xác định diện tích nhưng hiện trạng không thay đổi. Sau khi mua đất thì bà T đào mương xung quanh phần đất của mình và trồng gáo, đến khi UBND huyện C đo cấp đất thì bà T mới biết diện tích là 626,5m². Hiện nay mương xung quanh đã bị san lấp, hàng gáo ranh không còn đủ.

Đối với phần đất lúa thì ông Ú và bà B1 canh tác. Sau đó ông bà đã bán cho vợ chồng bà L, ông B. Năm 2001 là sau 17 năm bán đất thổ cư cho bà T, thì ông Ú, bà B1 làm đơn kiện đòi lại. Vụ việc được ông Nguyễn Văn B3 địa chính xã T và địa chính huyện C đến đo đạc để giải quyết. Ông B và ông Nguyễn Văn B2 là người giáp ranh đất đều có ký tên trong biên bản đo đạc năm 2001. Đến năm 2010 thì bà T mới nhận được Quyết định số 89/QĐ-UB đề ngày 17/01/2002 của UBND huyện C giải quyết công nhận cho bà được sử dụng diện tích 626,5m².

Tháng 10/2010, UBND xã T và cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C tổ chức thi hành Quyết định 89 nhưng ông B là người giáp ranh đất có tranh chấp nên không giao đất được.

Căn nhà trên đất tranh chấp hiện nay là của con bà tên Võ Minh P ở cùng với cháu nội là Võ Nhật L2, Võ Minh N, là nhà tình thương do chính quyền cất tặng vào năm 2010 cho ông P. Bà L biết nhưng cũng không tranh chấp hay có ý kiến gì về việc cất nhà.

Nay bà T không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà L. Bà yêu cầu công nhận cho bà được sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế 613,8m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M17, M16, M15 về mốc M1 theo Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 15/10/2021, thuộc thửa 983 và một phần thửa 956, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 983 và một phần thửa 956 đã cấp cho hộ bà L đối với diện tích nêu trên.

Đối với căn nhà trên đất hiện nay do con cháu bà đang ở thì trường hợp giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà L, anh P và các con đồng ý di dời nhà trả lại đất, trường hợp giải quyết chấp nhận yêu cầu của bà T thì sẽ tự thỏa thuận về việc sử dụng đất, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Anh Nguyễn Hữu D và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim Y, anh Nguyễn Phúc D1 trình bày:

Anh thống nhất theo lời trình bày của bà L. Anh xác định hiện phần đất đang tranh chấp là gia đình anh đã thống nhất chuyển cho cá nhân bà L được toàn quyền quyết định, UBND huyện cấp cho hộ là chưa đúng với ý chí của gia đình nhưng không ai có khiếu nại gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 150/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc:

1.1. Yêu cầu bà Lê Thị T, ông Võ Minh P, anh Võ Nhật L2, anh Võ Minh N phải di dời nhà, cây trồng, kiến trúc có trên đất để trả cho bà Nguyễn Thị Kim L diện tích đo đạc thực tế 495,7m² thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Hủy Quyết định số 89/QĐ-UB, ngày 17/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B1 với Lê Thị T.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T:

2.1. Bà Lê Thị T được sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế 613,8m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M17, M16, M15 về mốc M1, Sơ đồ đo đạc hiện trạng đất tranh chấp ngày 15/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc thửa 983 và một phần thửa 956, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, có vị trí như sau:

- Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa 956 nối từ mốc M2 đến mốc M17 có chiều dài 37,64m;

- Phía Nam giáp lộ đá nối từ mốc M1 đến mốc M15 có chiều dài 38,13m;

- Phía Tây giáp thửa 984 nối từ mốc M1 đến mốc M2 có chiều dài 15,75m;

- Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 956 nối từ mốc M17, M16 đến M15 có chiều dài tổng cộng 16,15m.

2.2. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Y di dời một phần nhà bếp có kết cấu vách tol, mái lợp tol sóng vuông, nền lát gạch men, khung sắt, nhà lắp ráp có diện tích 8,9m² để trả lại đất cho bà Lê Thị T.

2.3. Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 259104, số vào sổ H00917, ngày

15/8/2007 (điều chỉnh cấp lại cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 08/10/2008) và thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 259105, số vào sổ H00918, ngày 15/8/2007 (điều chỉnh cấp lại cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 08/10/2008) đối với diện tích 118,1m² để cấp lại cho bà Lê Thị T với diện tích theo đo đạc thực tế tổng cộng là 613,8m² tại vị trí mà bản án đã tuyên.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất theo bản án đã tuyên.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004378, ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Thị Kim Y phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 9.070.580 đồng (Chín triệu bảy mươi nghìn năm trăm tám mươi đồng), bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2022, bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim Y có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim Y vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim Y, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần diện tích đất đang tranh chấp qua đo đạc thực tế là 495,7m² thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 4, đất loạ lạc tại xã T, huyện C, loại đất thổ cư và đất trồng cây lâu năm, đất có nguồn gốc là của ông Huỳnh Văn Ú, bà Nguyễn Thị B1, chuyển nhượng lại cho ông B, bà L vào năm 1995, khi vợ chồng bà L nhận chuyển nhượng và khi ông Ú, bà B1 giao cho ông B, bà L nhận đất để sử dụng thì phía gia đình bà T đã có cất nhà ở trên đất rồi, lúc đó hộ bà L vẫn tiếp tục cho hộ bà T ở, không ai có ý kiến hay tranh chấp. Trong quá trình sử dụng bà T có sửa chữa và xây dựng nhà lại nhiều lần. Năm 2010 con bà T là anh Võ Minh P được Nhà nước hỗ trợ cất nhà tình thương và đã xây dựng nhà kiên cố ở ổn định cho đến nay đã hơn 30 năm, khi hộ bà T ở trên phần đất và được Nhà nước hỗ trợ cất nhà tình thương kiên cố thì phía gia đình bà L cũng không có ai đứng ra ngăn cản hay tranh chấp.

[2] Theo lời khai của những người làm chứng như: Bà Nguyễn Thị Tuyết L5, ông Trần Văn M1, ông Nguyễn Văn B2 đều xác nhận, việc bà T đã ở và sử dụng phần đất đang tranh chấp có trước khi hộ bà L5 về sử dụng và theo Quyết định số 89/QĐ-UB ngày 17/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện C giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị B1, ngụ ấp M, thị trấn M với bà Lê Thị T, ngụ ấp A, xã T, Ủy ban Huyện đã bác đơn yêu cầu đòi lại quyền sử dụng đất của bà B1 và đã quyết định giao cho gia đình bà T được sử dụng diện tích 626,5m², lý do bà T được Ủy ban Huyện giao diện tích đất trên là do bà T mua của ông Ú, bà B1 với giá 3000 đồng vào năm 1985 và trong quá trình sử dụng bà T cũng đã đi kê khai đăng ký, đóng thuế hàng năm và đã bồi đắp, tu bổ trang trải trên đất cho bằng phẳng thêm để cất nhà ở và trồng cây ăn trái trên đất liên tục cho đến ngày hôm nay.

Theo tờ bán đất ngày 05/6/1995 thể hiện ông Ú, bà B1 bán đất cho vợ chồng ông B đất ruộng và đất bờ xáng tới nương nước chỗ nhà bà T, còn một phần đất bờ xáng chỗ nhà bà T ở do đuôi chưa đi nên chưa bán được (kèm theo tờ bán đất có sơ đồ đo vẽ phần đất bán, có trừ đất nhà bà T ra). Do đó việc ông Ú, bà B1 không có bán phần đất có nhà của bà T đang ở cho ông B, bà L5.

Căn cứ công văn số 1039/UBND-TNMT, ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân huyện C và Theo biên bản giao đất ngày 11/10/2010 của Ủy ban Huyện thì ông B cũng thống nhất giao đất cho bà T theo Quyết định số 89/QĐ-UB ngày 17/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện C và sơ đồ kèm theo trong biên bản giao đất, nhưng phía ông B không thống nhất về mốc ranh tại vị trí từ mốc 4 đến hàng gáo do bà T chỉ, ông chỉ đồng ý các mốc 1, 2, 3, 4 theo biên bản giao đất của địa phương. Căn cứ vào biên bản giao đất trên cho thấy ông B cũng thống nhất phần đất mà Ủy ban Huyện giao cho bà T theo Quyết định trên là phù hợp và vợ chồng ông cũng không có khiếu nại Quyết định trên theo quy định, từ đó xác định giữa vợ chồng ông Ú, bà B1 thực tế có chuyển nhượng phần đất trên cho bà T là có căn cứ. Do đó, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu

đòi lại quyền sử dụng đất của bà L5 và công nhận diện tích đất trên cho bà T là hoàn toàn có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét đơn kháng cáo của bà L5, chị Y là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà L5, chị Y phải chịu tiền án phí phúc thẩm, nhưng do bà L5 là người cao tuổi nên căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí phúc thẩm cho bà L5.

Tuy nhiên, trong phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể, rõ ràng nên điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm đ, khoản 1; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L, chị Nguyễn Thị Kim Y.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 150/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc: Yêu cầu bà Lê Thị T, ông Võ Minh P, anh Võ Nhật L2, anh Võ Minh N phải di dời nhà, cây trồng, kiến trúc có trên đất để trả cho bà Nguyễn Thị Kim L diện tích đo đạc thực tế 495,7m² thuộc thửa 983, tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Yêu cầu Hủy Quyết định số 89/QĐ-UB, ngày 17/01/2002 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị B1 với Lê Thị T.

4. Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị T:

Bà Lê Thị T được sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế 613,8m² trong phạm vi các mốc M1, M2, M17, M16, M15 về mốc M1 theo sơ đồ đo đạc hiện

trạng đất tranh chấp ngày 15/10/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thuộc thửa 983 và một phần thửa 956, cùng tờ bản đồ số 4, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, có vị trí như sau: Phía Bắc giáp phần còn lại của thửa 956 nối từ mốc M2 đến mốc M17 có chiều dài 37,64m; Phía Nam giáp lộ đá nối từ mốc M1 đến mốc M15 có chiều dài 38,13m; Phía Tây giáp thửa 984 nối từ mốc M1 đến mốc M2 có chiều dài 15,75m; Phía Đông giáp phần còn lại của thửa 956 nối từ mốc M17, M16 đến M15 có chiều dài tổng cộng 16,15m.

5. Buộc chị Nguyễn Thị Kim Y di dời một phần căn nhà bếp có kết cấu vách tol, mái lợp tol sóng vuông, nền lót gạch men, khung sắt, nhà lắp ráp có diện tích 8,9m² để trả lại đất cho bà Lê Thị T.

6. Đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 259104, số vào sổ H00917, ngày 15/8/2007 (điều chỉnh cấp lại cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 08/10/2008) và thu hồi một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 259105, số vào sổ H00918, ngày 15/8/2007 (điều chỉnh cấp lại cho hộ bà Nguyễn Thị Kim L vào ngày 08/10/2008) đối với diện tích 118,1m² (theo các mốc M2, M17, M16 trở về mốc 2) để cấp lại cho bà Lê Thị T với diện tích theo đo đạc thực tế tổng cộng là 613,8m² tại vị trí mà bản án đã tuyên.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để làm thủ tục kê khai, đăng ký, tách, chuyển, điều chỉnh đối với diện tích đất theo bản án đã tuyên.

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn tiền án phí cho bà Nguyễn Thị Kim L, bà được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004378, ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, Đồng Tháp.

- Chị Nguyễn Thị Kim Y phải nộp số tiền 300.000 đồng.

8. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc là 9.070.580 đồng, bà Nguyễn Thị Kim L đã nộp và chi xong.

9. Án phí phúc thẩm:

- Miễn tiền án phí cho bà Nguyễn Thị Kim L.

- Chị Nguyễn Thị Kim Y phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0009911 ngày 10/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C (chị Y đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b

và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội